

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

NGUYỄN THỊ THANH BÌNH

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT
CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP
SẢN XUẤT GẠCH XÂY DỰNG - TRƯỜNG HỢP
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI HƯNG**

Chuyên ngành : Kế toán

Mã ngành : 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng, Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. NGÔ HÀ TẤN**

Phản biện 1: **PGS.TS. NGUYỄN MẠNH TOÀN**

Phản biện 2: **PGS.TS. BÙI VĂN DƯƠNG**

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 15 tháng 6 năm 2012

** Có thể tìm hiểu luận văn tại :*

- Trung tâm thông tin - Học liệu, Đại học Đà Nẵng
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong những năm gần đây, nền kinh tế nước ta đã đạt được những thành tựu vượt bậc. Cùng với sự tăng trưởng kinh tế thì ngành xây dựng có điều kiện phát triển hơn bao giờ hết. Ngành sản xuất gạch xây dựng cả nước nói chung và khu vực miền Trung nói riêng đã trở thành một ngành công nghiệp phát triển mạnh mẽ.

Với sự phát triển của nền kinh tế, thì gạch sản xuất ra không chỉ cung cấp cho xây dựng dân dụng mà cho cả xây dựng công nghiệp, sản xuất gạch xây dựng có thị trường tiêu thụ mạnh, nhu cầu sản xuất gạch là rất lớn.

Trước tình hình đó việc mở rộng qui mô sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ đặt ra cho doanh nghiệp sản xuất gạch xây dựng nhiều vấn đề trong đó kiểm soát chi phí sản xuất là một cách để doanh nghiệp có thể phát triển bền vững và đảm bảo được sức cạnh tranh trong bối cảnh hiện nay.

Kiểm soát chi phí sản xuất, ngoài việc giám sát thực hiện các chính sách, thủ tục của đơn vị đã được thiết lập, việc phân tích sự biến động của chi phí sản xuất giữa thực tế và dự toán để đưa ra các biện pháp quản lý chi phí sản xuất chặt chẽ và hiệu quả là rất cần thiết đối với doanh nghiệp sản xuất. Hiện tại, công tác kiểm soát chi phí sản xuất ở các doanh nghiệp sản xuất gạch xây dựng chưa thực hiện việc phân tích nguyên nhân dẫn đến biến động chi phí sản xuất trong quản lý.

Vì vậy, luận văn chọn đề tài "*Hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất gạch xây dựng - Trường hợp Công ty Cổ phần Đại Hưng*" để nghiên cứu.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài

- *Về mặt lý luận* : Luận văn nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát chi phí sản xuất.

- *Về mặt thực tiễn* : Trên cơ sở lý luận đã nghiên cứu, luận văn đi vào khảo sát công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất gạch xây dựng với trường hợp cụ thể tại Công Ty Cổ phần Đại Hưng. Từ đó nêu ra những hạn chế của việc kiểm soát chi phí sản xuất và đề ra các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất gạch xây dựng với trường hợp cụ thể là Công Ty Cổ phần Đại Hưng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu lý luận về kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp và thực tiễn công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất gạch nói chung – minh họa qua trường hợp Công ty Cổ phần Đại Hưng. Vận dụng những vấn đề lý luận đã nghiên cứu để hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất gạch cho trường hợp Công ty Cổ phần Đại Hưng.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện việc nghiên cứu, luận văn sử dụng các phương pháp: Phương pháp phỏng vấn và thu thập thông tin tài liệu là phương pháp cơ bản. Đối tượng phỏng vấn là các nhân viên kế toán, kỹ thuật, quản lý có trình độ chuyên môn trong sản xuất gạch xây dựng.

5. Ý nghĩa thực tiễn

Thông qua những giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Đại Hưng, Luận văn hướng đến hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất gạch xây dựng nói chung.

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu và kết luận, Luận văn được trình bày thành 3 chương

Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất gạch xây dựng - Trường hợp Công Ty Cổ phần Đại Hưng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất gạch - Trường hợp Công Ty Cổ phần Đại Hưng.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

1.1.1 Khái niệm chi phí sản xuất

Chi phí sản xuất là toàn bộ chi phí có liên quan đến việc chế tạo sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ phục vụ trong một kỳ nhất định. Chi phí sản xuất bao gồm 3 yếu tố cơ bản: chi phí nguyên liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung. ^[1, tr.17]

Phân loại theo các tiêu thức phân loại như sau:

- Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động.
- Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí.

1.1.2 Phân loại chi phí sản xuất

1.1.2.1 Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

Giai đoạn sản xuất là giai đoạn chế biến nguyên vật liệu thành thành phẩm bằng sức lao động của công nhân kết hợp với việc sử dụng máy móc thiết bị.

Chi phí sản xuất bao gồm ba khoản mục: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.

- *Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp:* chi phí nguyên vật liệu sử dụng trực tiếp trong quá trình sản xuất sản phẩm.

- *Chi phí nhân công trực tiếp:* Khoản mục chi phí này bao gồm tiền lương công nhân trực tiếp thực hiện qui trình sản xuất ; Các khoản trích theo lương tính vào chi phí sản xuất của công nhân trực tiếp thực hiện qui trình sản xuất như kinh phí công đoàn, bảo hiểm y tế; bảo hiểm xã hội.

- *Chi phí sản xuất chung:* là các khoản chi phí phục vụ và quản lý quá trình sản xuất sản phẩm phát sinh trong các phạm vi phân xưởng.

1.1.2.2 Phân loại chi phí theo cách ứng xử của chi phí

a, Chi phí khả biến (biến phí)

- *Chi phí khả biến thực thụ*
- *Chi phí khả biến cấp bậc*

b, Chi phí bất biến (định phí)

- *Chi phí bất biến bắt*
- *Chi phí bất biến không bắt buộc*

c, Chi phí hỗn hợp

1.2 NỘI DUNG KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1 Xây dựng định mức chi phí sản xuất

Định mức chi phí được sử dụng như là thước đo trong hệ thống dự toán của doanh nghiệp, đây chính là cơ sở để kiểm soát chi phí sản xuất.

1.2.1.1 Khái niệm định mức chi phí sản xuất

Định mức chi phí sản xuất là biểu hiện bằng tiền những hao phí lao động sống và lao động vật hóa theo tiêu chuẩn để sản xuất ra một sản phẩm ở điều kiện hoạt động bình thường. [2, tr.96]

Định mức chi phí cho một sản phẩm được xây dựng từ hai yếu tố :

- Định mức lượng : Phản ánh số lượng các đơn vị đầu vào sử dụng để tạo nên một đơn vị sản phẩm đầu ra.

- Định mức giá: Phản ánh giá bình quân của một đơn vị yếu tố đầu vào.

1.2.1.2 Các loại định mức

- Định mức lý tưởng

- Định mức thực hiện

1.2.1.3 Các phương pháp xây dựng định mức chi phí

- Phân tích dữ liệu lịch sử

- Phương pháp kỹ thuật.

- Phương pháp kết hợp

1.2.1.4 Xây dựng định mức chi phí sản xuất

a, Xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

- Định mức về lượng vật liệu bao gồm lượng vật liệu trực tiếp để sản xuất một sản phẩm

- Định mức về giá vật liệu trực tiếp bao gồm giá mua vật liệu cộng với chi phí thu mua trừ các khoản chiết khấu, giảm giá.

b, Xây dựng định mức chi phí nhân công trực tiếp

- Định mức về lượng bao gồm lượng thời gian cần thiết để sản xuất một sản phẩm.

- Định mức về giá giờ công lao động không chỉ bao gồm tiền lương, các khoản phụ cấp mà còn có các khoản trích theo lương của người lao động như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn.

c, Xây dựng định mức biến phí sản xuất chung

Định mức biến phí sản xuất chung được xây dựng tùy thuộc vào việc lựa chọn tiêu thức phân bổ biến phí sản xuất chung.

1.2.2 Tổ chức thông tin chi phí sản xuất phục vụ kiểm soát

1.1.2.1 Tổ chức thông tin chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

a, Thủ tục phát sinh chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

b, Lập báo cáo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

1.2.2.2 Tổ chức thông tin chi phí nhân công trực tiếp

a, Thủ tục phát sinh chi phí tiền lương nhân công trực tiếp

b, Thủ tục đối với các khoản trích theo lương nhân công trực tiếp

c, Lập báo cáo chi phí nhân công trực tiếp

1.2.2.3 Tổ chức thông tin chi phí sản xuất chung

1.2.2.4 Tổng hợp thông tin chi phí sản xuất

1.2.3 Phân tích biến động chi phí sản xuất

Phân tích biến động chi phí sản xuất chính là việc tính toán và phân tích giữa chi phí sản xuất thực tế và dự toán chi phí sản xuất

1.2.3.1 Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

a, Trường hợp phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu của từng loại sản phẩm

* Đối tượng phân tích

$$\Delta \text{CPNVL}_i = \text{CPNVL}_{1i} - \text{CPNVL}_{0i}$$

b, Trường hợp phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu cho toàn bộ sản phẩm

* Đối tượng phân tích

$$\Delta \text{TCPNVL} = \text{TCPNVL}_1 - \text{TCPNVL}_0$$

c, Xác định nguyên nhân

1.2.3.2 Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp

a, Trường hợp phân tích biến động tổng chi phí nhân công trực tiếp

* Đối tượng phân tích

$$\Delta \text{TCPNCTT} = \text{TCPNCTT}_1 - \text{TCPNCTT}_0$$

b, Trường hợp phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp của từng loại sản phẩm

* Đối tượng phân tích:

$$\Delta \text{CPNCTT}_i = \text{CPNCTT}_{1i} - \text{CPNVLTT}_{0i}$$

c, Xác định nguyên nhân

1.2.3.3. Phân tích biến động chi phí sản xuất chung

a, Phân tích biến động biến phí sản xuất chung

- Trường hợp định mức biến phí sản xuất chung được lập cho từng yếu tố: tương tự như phân tích biến động chi phí NVLTT.

- Trường hợp định mức biến phí sản xuất chung được xác định bằng tỷ lệ % trên biến phí trực tiếp: Khi phân tích cần thiết phải điều chỉnh biến phí sản xuất chung theo mức độ hoạt động thực tế.

b, Phân tích biến động định phí sản xuất chung

- Nếu phạm vi hoạt động không thay đổi: định phí sản xuất chung không thay đổi.

- Nếu phạm vi hoạt động ngoài ngoài phạm vi cố định của định phí sản xuất chung : cần thiết phải điều chỉnh định phí sản xuất chung dự toán theo phạm vi hoạt động thực tế.

1.2.4 Thủ tục kiểm soát

Thủ tục kiểm soát là các qui chế và các thủ tục do Ban lãnh đạo đơn vị thiết lập và chỉ đạo thực hiện trong đơn vị nhằm đạt được mục tiêu quản lý cụ thể. Các thủ tục kiểm soát lập ra dựa trên 3 nguyên tắc cơ bản là nguyên tắc phân công phân nhiệm, nguyên tắc bất kiêm nhiệm và nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn:

+ Nguyên tắc phân công, phân nhiệm

+ Nguyên tắc bất kiêm nhiệm

+ Nguyên tắc ủy quyền và phê chuẩn

Phân nghiên cứu này là cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong doanh nghiệp.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT GẠCH XÂY DỰNG – TRƯỜNG HỢP CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI HÙNG

2.1 ĐẶC ĐIỂM SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT GẠCH XÂY DỰNG.

2.1.1 Đặc điểm sản xuất kinh doanh trong DNSX gạch xây dựng.

2.1.1.1 Đặc điểm sản phẩm

2.1.1.2 Đặc điểm qui trình sản xuất

2.1.1.3 Đặc điểm tổ chức sản xuất

Với qui trình sản xuất như trên sản phẩm gạch được hình thành thông qua hai giai đoạn chính, do vậy, tổ chức sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất gạch xây dựng bao gồm 2 phân xưởng:

- Phân xưởng I : Tạo hình viên gạch

- Phân xưởng II : Nung Gạch

2.1.2 Đặc điểm chi phí sản xuất trong doanh nghiệp sản xuất gạch xây dựng

2.1.2.1 Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Việc phân bổ chi phí NVLTT được tiến hành theo trình tự sau:

- Xác định hệ số phân bổ :

$$\text{Hệ số phân bổ} = \frac{\text{Tổng chi phí NVLTT cần phân bổ}}{\text{Tổng tiêu thức dùng để phân bổ}}$$

- Xác định mức chi phí NVLTT phân bổ cho từng loại sản phẩm

$$C_i = T_i \times H$$

Trong đó

C_i : Chi phí NVLTT phân bổ cho đối tượng i

T_i : Sản lượng sản phẩm i đã được quy tiêu chuẩn

H : Hệ số phân bổ

Chi phí nguyên vật liệu đất và nguyên vật liệu than được hạch toán theo dõi cho từng loại sản phẩm.

2.1.2.2 Chi phí nhân công trực tiếp

Chi phí NCTT chính là tiền lương, các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương của các bộ phận: cấp liệu, vận hành máy, phơi đảo gạch, xếp gòong, đốt lò, xếp xe.

2.1.2.3 Chi phí sản xuất chung

2.1.3 Đặc điểm kiểm soát chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp sản xuất gạch xây dựng

2.1.3.1 Xây dựng định mức chi phí sản xuất

a, Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

-Định mức lượng chi phí NVL đất và than theo chuẩn qui định chung đối với gạch xây dựng.

-Định mức giá chi phí NVL đất và than được xây dựng dựa trên số liệu năm trước.

b, Định mức chi phí nhân công trực tiếp

Định mức chi phí nhân công trực tiếp được xây dựng dựa trên số liệu của năm trước thông qua bảng đơn giá tiền lương cho từng công việc trong quá trình sản xuất.

c, Định mức chi phí sản xuất chung

Định mức chi phí sản xuất chung bao gồm: chi phí nhân viên phân xưởng, chi phí nhiên liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ, chi phí khác bằng tiền.

2.1.3.2 Tổ chức thông tin kế toán chi phí sản xuất

a, Tổ chức chứng từ về chi phí sản xuất

b, Tổ chức sổ kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành

c, Tổ chức báo cáo về chi phí sản xuất

2.2 CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT GẠCH XÂY DỰNG QUA KHẢO SÁT TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI HƯNG

2.2.1 Khái quát đặc điểm sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý ở Công ty Cổ phần Đại Hưng.

2.2.1.1 Khái quát đặc điểm sản xuất kinh doanh ở Công ty

Công ty kinh doanh nhiều ngành nghề nhưng chủ yếu là sản xuất gạch xây dựng.

2.2.1.2 Tổ chức quản lý sản xuất kinh doanh ở Công ty

Tổ chức quản lý sản xuất tại Công ty theo mô hình vừa tập trung vừa phân tán.

2.2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty

Bộ máy kế toán gọn nhẹ, tổ chức theo mô hình tập trung. Hình thức kế toán áp dụng tại Công ty là hình thức chứng từ ghi sổ.

2.2.2 Môi trường kiểm soát liên quan đến kiểm soát chi phí sản xuất ở Công ty

2.2.3 Công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty

2.2.3.1 Xây dựng dự toán chi phí sản xuất

a, Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Dự toán = Dự toán * Định mức * Định mức
 CPNVLTTi sản phẩm SX lượng NVLTTi giá NVLTTi

- Định mức lượng NVLTTi được xác định dựa trên bảng qui định chung về mức tiêu hao NVL đối với gạch xây dựng.

- Định mức giá NVLi được xác định dựa trên số liệu của năm trước

Dự toán chi phí NVLTT trong năm của Công ty được xác định:

Dự toán = Dự toán + Dự toán CP + Dự toán CP
 CPNVLT Chi phí NL đất NL than xỉ nhỏ NL than xỉ lớn

b, Dự toán chi phí nhân công trực tiếp

Dự toán chi phí NCTT được xây dựng từ dự toán khối lượng sản xuất và đơn giá nhân công của từng sản phẩm. Công thức tính dự toán chi phí nhân công trực tiếp như sau:

$$CPNCTT = \sum_{i=1}^m Q_i * L_i$$

Trong đó: Q_i : Số lượng sản phẩm i dự toán sản xuất
 L_i : Đơn giá nhân công tính cho sản phẩm i

c, Dự toán chi phí sản xuất chung

Đối với việc lập dự toán chi phí sản xuất chung tại Công ty bao gồm các khoản:

- Các chi phí có tính chất cố định: chi phí lương khoán theo thời gian của nhân viên phân xưởng và các khoản trích theo lương, chi phí khấu hao tài sản, chi phí dụng cụ sản xuất.
- Chi phí dầu diezen và điện có tỷ trọng lớn trong giá thành, dự toán được xác định thông qua định mức giá và định mức lượng và kế hoạch sản lượng.

- Các chi phí còn lại được tính theo tỷ lệ % trên dự toán chi phí NCTT và dự toán chi phí NVLTT(tỷ lệ % được xác định thông qua phương pháp thống kê).

2.2.2.3 Tổ chức thông tin phục vụ kiểm soát chi phí sản xuất ở Công ty

a, Chứng từ kế toán về chi phí sản xuất

b, Tập hợp chi phí sản xuất

c, Báo cáo chi phí sản xuất

2.2.3.3 Các thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất ở Công ty

a, Thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

b, Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

c, Thủ tục kiểm soát chi phí SX

2.2.4 Đánh giá công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại Công ty Cổ phần Đại Hưng.

2.2.4.1 Ưu điểm

a, Môi trường kiểm soát

- Đã có sự phân chia nhiệm vụ và trách nhiệm tách bạch trong sản xuất.

- Công ty đã ban hành dưới dạng văn bản các nội qui, qui tắc, chuẩn mực về qui trình sản xuất, chất lượng sản phẩm. Những văn bản này làm căn cứ cho việc kiểm soát chi phí trong quá trình sản xuất.

b, Thủ tục kiểm soát

- Đã có sự đối chiếu giám sát lẫn nhau trong khi thực hiện nhiệm vụ.

- Trong kiểm soát chi phí sản xuất đã thể hiện được sự kiểm tra, giám sát lẫn nhau của các bộ phận, cá nhân trong Công ty khi thực hiện sản xuất.

c, Tổ chức thông tin phục vụ kiểm soát chi phí sản xuất

- Thực hiện tốt việc xây dựng các định mức về chi phí .
- Công tác kế toán đã tập hợp chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kịp thời. Hệ thống chứng từ được lưu giữ theo đúng qui định. Đảm bảo cung cấp hai hệ thống sổ, sổ chi tiết và sổ tổng hợp về chi phí sản xuất được đầy đủ.

2.2.4.2 Nhược điểm

a, Môi trường kiểm soát

- Hoạt động của Công ty phụ thuộc vào Giám đốc đồng thời cũng là Chủ tịch HĐQT.
- Chưa có bộ phận thực hiện chức năng chuyên kiểm tra kiểm soát trong nội bộ Công ty.

b, Thủ tục kiểm soát

- *Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:* Chưa có hình thức kiểm soát đối với việc nhận nguyên vật liệu.
- *Đối với chi phí nhân công trực tiếp:*
 - + Bảng chấm công chưa có sự giám sát lẫn nhau giữa các cá nhân trong bộ phận do bảng chấm công chưa được dán công khai.
 - + Bảng thanh toán lương, bảng trích các khoản theo lương chưa có sự đối chiếu của bộ phận quản lý nhân sự về hệ số, về mức lương khoán đối với từng cá nhân theo từng công việc.
- *Đối với chi phí sản xuất chung*
 - + Bảng chấm công ngoài giờ (bộ phận quản lý phân xưởng) do cá nhân người làm ngoài giờ tự chấm, chưa có sự giám sát về mặt thời gian của bảo vệ cơ quan. Điều này dẫn đến có khả năng sai sót về số giờ làm việc thực tế. Dẫn đến chi lương ngoài giờ sai.
 - + Bảng tính khấu hao TSCĐ bộ phận sản xuất, bảng phân bổ công cụ dụng cụ phân xưởng chưa thể hiện sự kiểm soát của bộ phận

quản lý phân xưởng về số TSCĐ và CCDC hiện có tại phân xưởng trong thời điểm trích và phân bổ chi phí. Do đó có khả năng xảy ra trích thiếu hoặc trích thừa chi phí do Phòng Kế toán chưa cập nhật kịp thời những thay đổi về TSCĐ hoặc CCDC.

c, Tổ chức thông tin phục vụ kiểm soát chi phí sản xuất

+ Đối với công tác xây dựng định mức chi phí chỉ căn cứ vào số chi thực tế của năm trước để lập định mức cho năm sau, chưa đi vào phân tích một cách chi tiết những kết quả đạt được trong quá khứ, xác định các nguyên nhân tác động đến kết quả đó, chưa đề xuất được những thay đổi về điều kiện kinh tế, kỹ thuật để điều chỉnh định mức cho phù hợp.

+ Mới chỉ thực hiện lập dự toán trên một mức hoạt động cụ thể gọi là dự toán tĩnh, chưa lập dự toán linh hoạt. Dự toán tĩnh không phù hợp cho việc phân tích và kiểm soát chi phí, nhất là phân tích chi phí sản xuất chung.

+ Các báo cáo về NVL, tiền lương đã phần nào đáp ứng được yêu cầu kiểm soát CPSX, nhưng các báo cáo này chưa chỉ rõ chiều hướng biến động của chi phí NVL, tiền lương và nguyên nhân của sự biến động, chưa thực sự gắn trách nhiệm quản lý với yêu cầu kiểm soát chi phí sản xuất.

d, Công tác phân tích biến động các khoản mục chi phí sản xuất

Chưa đi vào phân tích các biến động của từng khoản mục CPSX nên chưa nêu ra được sự biến động của các nhân tố làm lãng phí hay tiết kiệm chi phí sản xuất trong thực tế, chưa chỉ ra được trách nhiệm của từng bộ phận trong quá trình thực hiện sản xuất. Do đó chưa cung cấp được thông tin cho các nhà quản lý để góp phần đề ra những biện pháp khắc phục tồn tại, xây dựng các

phương án hoạt động mới, khai thác khả năng tiềm tàng, tiết kiệm chi phí nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Phần nghiên cứu này là cơ sở để đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát chi phí sản xuất tại các doanh nghiệp sản xuất gạch xây dựng nói chung và cụ thể là trường hợp Công ty Cổ phần Đại Hưng.

Chương 3

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT GẠCH – TRƯỜNG HỢP CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI HƯNG

3.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT Ở CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI HƯNG

Trong công tác kiểm soát CPSX Công ty cần phải tiếp tục khắc phục những tồn tại :

- Chưa tách bạch chức năng giám sát và chức năng thực hiện đối với công tác quản lý Công ty do Giám đốc Công ty đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Chưa có bộ phận chuyên thực hiện chức năng kiểm tra, kiểm soát nên chưa có sự đánh giá thường xuyên về việc tuân thủ hệ thống các qui chế, qui định trong quá trình sản xuất.

- Thủ tục kiểm soát việc giao nhận nguyên vật liệu chính (đất và than) mới chỉ là hình thức trên giấy tờ, chứng từ. Chưa chỉ rõ trách nhiệm của các cá nhân khi xảy ra sai sót.

- Đối với công tác tính và chi lương cần tăng cường kiểm soát hơn nữa trong việc chấm công và lập Bảng thanh toán lương.

- Khả năng xảy ra sai sót trong việc tính khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC chưa được hạn chế.

- Chưa thực hiện việc phân tích đánh giá giữa dự toán chi phí sản xuất và chi phí sản xuất thực tế, nên chưa có căn cứ đánh giá việc thực hiện chi tiêu trong sản xuất là tiết kiệm hay lãng phí.

Những tồn tại này làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh, khả năng cạnh tranh của Công ty. Do đó, Luận văn nghiên cứu các giải pháp cụ thể nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát CPSX của Công ty để đảm bảo hiệu quả hiệu quả hoạt động, tránh lãng phí, thất thoát năng lực sản xuất và năng lực quản lý, lãng phí trong hoạt động và sử dụng kém hiệu quả các nguồn lực của Công ty.

3.2 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT CHI PHÍ SẢN XUẤT Ở CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI HƯNG

3.2.1 Giải pháp hoàn thiện môi trường kiểm soát tại Công ty

- Hoạt động của Công ty phụ thuộc vào Giám đốc đồng thời cũng là Chủ tịch HĐQT. Điều này gây bất lợi cho Công ty rất nhiều do đường lối kinh doanh bị phụ thuộc nhiều vào suy nghĩ chủ quan của Giám đốc. Do đó để tạo môi trường kiểm soát tốt Công ty nên tách biệt chức danh Chủ tịch HĐQT và chức danh Giám đốc, điều này góp phần làm tăng sự kiểm soát của HĐQT đối với hoạt động SXKD của Công ty.

- Giao nhiệm vụ cho Phòng Kế hoạch trong việc giám sát, kiểm tra, phân tích tình hình thực hiện chi phí sản xuất, kế hoạch sản xuất giữa dự toán và thực tế từ đó đề xuất các biện pháp tăng cường tiết kiệm, hạn chế lãng phí các nguồn lực trong sản xuất .

- Hàng năm, Ban Lãnh đạo Công ty nên thực hiện kế hoạch luân chuyển công việc trong nội bộ Phòng Kế toán, và nội bộ Phòng Kế hoạch. Việc luân chuyển nhiệm vụ trong nội bộ Phòng Kế toán và

nội bộ Phòng Kế hoạch sẽ giúp tránh rập khuôn trong công việc theo thói quen, dẫn đến sai sót hoặc nhầm lẫn kéo dài. Tạo sự kiểm soát lẫn nhau giữa các nhân viên trong nội bộ phòng, góp phần tăng khả năng phát hiện những sai sót trong việc xây dựng định mức chi phí cũng như trong việc tập hợp chi phí sản xuất.

- Nhằm hoàn thiện môi trường kiểm soát, Ban Lãnh đạo Công ty cần thiết lập các yếu tố để nhân viên trong Công ty luôn nâng cao ý thức tiết kiệm trong thực hiện sản xuất thông qua các bảng thông báo, sơ đồ, qui trình sản xuất phù hợp tại từng bộ phận sản xuất. Ví dụ: Có bảng hướng dẫn qui trình pha than, tỷ lệ pha than, cách pha than tại bộ phận pha than sẽ giúp hạn chế pha than thừa hoặc thiếu gây ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm gây tỷ lệ sản phẩm hỏng tăng cao. Tương tự đối với bộ phận đốt lò nên có bảng hướng dẫn qui trình đốt lò, đảm bảo nhiệt độ trong lò luôn đúng qui định tránh không được để tắt lò nung, tắt lò nung sẽ tốn rất nhiều chi phí để nhóm lò....

- Xây dựng một bộ phận chuyên thực hiện chức năng kiểm tra về việc thực hiện các quy trình Công ty đã ban hành, đặc biệt là qui trình sản xuất. Xây dựng các kế hoạch kiểm tra định kỳ và đột xuất có như vậy mọi hoạt động của đơn vị, cá nhân trong Công ty mới tuân thủ các qui định của Công ty và các qui định của Pháp luật.

3.2.2 Hoàn thiện về thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất ở Công ty

3.2.2.1 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Để ngăn ngừa khả năng tăng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (gồm đất và than) do nhận thiếu nguyên vật liệu trong thực hiện sản xuất.

- Tại bộ phận kho: Khi xuất NVL (đất hoặc than) vận chuyển đến khi vực sản xuất cần mở sổ theo dõi số chuyển xe vận chuyển nguyên vật liệu và khối lượng vận chuyển của mỗi xe thông qua kiểm tra chiều dài, chiều rộng, và chiều cao của thùng xe vận chuyển nguyên vật liệu. Sổ này phải được người giao và người nhận vận chuyển nguyên vật liệu cùng ký tên xác nhận việc giao nhận khối lượng nguyên vật liệu.

- Tại bộ phận sản xuất: Khi nhận nguyên vật liệu phục vụ sản xuất cần mở sổ theo dõi số chuyển xe vận chuyển nguyên vật liệu (đất, than) đến, đồng thời kiểm tra khối lượng vận chuyển của mỗi xe thông qua kiểm tra chiều dài, chiều rộng, và chiều cao của thùng xe vận chuyển nguyên vật liệu, sổ này phải được người vận chuyển nguyên vật liệu và người nhận cùng ký tên xác nhận việc giao nhận khối lượng nguyên vật liệu. Sau khi kiểm tra đã nhận đủ lượng nguyên vật liệu theo yêu cầu người đề nghị mới ký vào phiếu xuất kho.

Định kỳ hàng tháng nên có sự đối chiếu giữa sổ giao nhận nguyên vật liệu tại bộ phận kho và sổ giao nhận nguyên vật liệu tại bộ phận sản xuất để phát hiện những sai sót thừa hoặc thiếu trong giao nhận nguyên vật liệu (đất, than).

3.2.2.2 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp

- Để đảm bảo tính chính xác trong việc chấm công, bảng chấm công nên được chấm hằng ngày và dán công khai tại mỗi bộ phận sản xuất. Việc công khai bảng chấm công tạo sự kiểm soát lẫn nhau giữa các cá nhân trong cùng bộ phận, hạn chế nhầm lẫn dẫn đến chấm công sai. Cuối tháng các cá nhân đồng ý về tính chính xác của bảng chấm công, ký tên trên bảng chấm công. Sau đó Tổ trưởng của tổ ký xác nhận và trình Quản đốc Phân xưởng ký duyệt.

- Với đặc điểm lương khoán theo công việc, từng nhiệm vụ với trách nhiệm được giao người lao động sẽ được hưởng mức lương khoán và hệ số công khác nhau. Bên cạnh đó đặc thù của ngành gạch là sử dụng lượng lao động nhàn rỗi trong nông thôn, nên sự biến động về lao động là thường xuyên. Để hạn chế khả năng chi sai lương do tính lương sai hệ số, và để tách bạch trong việc lập Bảng thanh toán lương và thực hiện chi lương, việc lập Bảng thanh toán lương nên giao cho nhân viên Quản lý nhân sự thực hiện. Bảng thanh toán lương sau khi được duyệt, chuyển cho Kế toán tiền lương lập Phiếu chi hoặc Ủy nhiệm chi (nếu chuyên khoản). Bộ chứng từ được chuyển Kế toán trưởng kiểm soát tính khớp đúng giữa các chứng từ, ký kiểm soát và trình Giám đốc ký duyệt.

3.2.2.3 Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung

- Nhằm hạn chế khả năng trích thiếu hoặc trích thừa chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ CCDC do Phòng Kế toán chưa cập nhật kịp thời những thay đổi về TSCĐ hoặc CCDC. Bảng tính khấu hao TSCĐ bộ phận sản xuất, Bảng trích phân bổ công cụ dụng cụ phân xưởng phải có sự đối chiếu với từng phân xưởng về số TSCĐ và CCDC hiện có tại phân xưởng trong thời điểm trích và phân bổ chi phí.

- Bảng chấm công ngoài giờ (bộ phận quản lý phân xưởng) do cá nhân người làm ngoài giờ tự chấm, cần có sự giám sát về mặt thời gian của bảo vệ cơ quan. Đảm bảo thanh toán ngoài giờ đúng số giờ làm việc tại Công ty.

- Do vật liệu phụ cần sử dụng nhiều, đa dạng và đặc biệt có tên gọi giống nhau, ví dụ như: fi10*11.7, sắt fi12*11.7, sắt fi14*11.7, sắt fi16*11.7, sắt fi18*11.7, sắt fi20*11.7, ..Công ty nên in danh mục bảng mã tại từng bộ phận sản xuất để việc đề xuất sửa chữa thay thế,

mua mới vật liệu được chính xác, tránh tình trạng đề xuất sai vật liệu cần thay thế.

3.2.3 Phân loại chi phí theo cách ứng xử và lập dự toán linh hoạt

3.2.3.1 Phân loại chi phí theo cách ứng xử

Với phương pháp phân loại chi phí theo cách ứng xử, theo cách lập dự toán chi phí sản xuất của Công ty, chi phí sản xuất ở Công ty được phân loại như sau:

- Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp: Chi phí nguyên liệu, vật liệu thay đổi theo sản lượng sản xuất, vì vậy đây là chi phí biến động được xếp vào loại biến phí.

- Chi phí nhân công trực tiếp: tương tự như chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp chi phí nhân công trực tiếp thay đổi theo sản lượng sản xuất nên được xem là biến phí.

- Chi phí sản xuất chung:

+ Chi phí nhân viên phân xưởng: bao gồm phần chi phí trả cho nhân viên phân xưởng theo hình thức khoán thời gian làm việc và phần chi phí trả cho nhân viên phân xưởng theo kết quả sản xuất. Vậy nên phần chi phí khoán theo thời gian là chi phí cố định, phần chi phí còn lại biến động theo kết quả sản xuất. Vậy nên chi phí nhân viên phân xưởng là chi phí hỗn hợp.

+ Chi phí dụng cụ sản xuất và chi phí khấu hao TSCĐ là các chi phí không thay đổi trong phạm vi hoạt động nhất định nên chi phí dụng cụ sản xuất và chi phí khấu hao TSCĐ được xem là chi phí cố định hay còn gọi là định phí.

+ Chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác: theo cách lập dự toán của Công ty các chi phí này được tính theo tỷ lệ % trên biến phí trực tiếp. Do đó chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác được xem là biến phí.

3.2.3.2 Sự cần thiết của dự toán linh hoạt

Công ty lập dự toán sản xuất 60.000.000 sản phẩm qui tiêu chuẩn (QTC), dự toán này là dự toán tĩnh. Trong thực tế năm 2011 Công ty sản xuất 63.480.000 sản phẩm QTC, do đó dự toán tĩnh không phù hợp với việc phân tích và kiểm soát chi phí, nhất là chi phí sản xuất chung, bởi vì mức hoạt động thực tế có sự khác biệt so với mức hoạt động dự toán.

Dự toán linh hoạt khác với dự toán tĩnh ở 2 điểm cơ bản. Thứ nhất, dự toán linh hoạt không dựa trên một mức hoạt động mà dựa trên một phạm vi hoạt động. Thứ hai, kết quả thực hiện không phải so sánh với một số liệu dự toán ở mức hoạt động dự toán. Nếu mức hoạt động thực tế biến động lớn với mức hoạt động dự toán, một dự toán mới sẽ được lập ở mức hoạt động thực tế để so sánh với kết quả thực hiện.

3.2.3.3 Lập dự toán linh hoạt ở Công ty

Bước 1: Xác định phạm vi phù hợp (mức độ hoạt động bình thường, mức độ hoạt động khả quan nhất và mức độ hoạt động bất lợi nhất): sản lượng sản xuất bình thường 60.000 ngàn viên QTC; sản lượng sản xuất bất lợi nhất 58.000 ngàn viên QTC; sản lượng sản xuất khả quan nhất 63.480 ngàn viên QTC.

Bước 2: Xác định ứng xử của chi phí, tức là phân loại chi phí thành biến phí, định phí. Đối với chi phí hỗn hợp, cần phân chia thành biến phí và định phí dựa trên các phương pháp ước lượng chi phí.

- Biến phí : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp; Chi phí nhân công trực tiếp; Biến phí sản xuất chung.
- Định phí : Chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí dụng cụ, tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận quản lý phân xưởng.

Bước 3: Xác định biến phí đơn vị dự toán

Tổng biến phí dự toán

$$\text{Biến phí đơn vị dự toán} = \frac{\text{Tổng biến phí dự toán}}{\text{Tổng mức hoạt động dự toán}}$$

Bước 4: Xây dựng dự toán linh hoạt.

3.2.4 Phân tích biến động chi phí sản xuất ở Công ty

3.2.4.1 Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

a, Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu cho toàn bộ sản phẩm

b, Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu cho từng loại sản phẩm

b1, Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu cho sản phẩm gạch

b2, Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu cho sản phẩm mông

3.2.4.2 Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp

$$* \text{ Giá trị sản xuất} = \sum (\text{Giá bán}_i * \text{Số lượng sản phẩm}_i)$$

$$* \text{ Chi phí bình quân cho một lao động} = \frac{\text{Tổng chi phí nhân công trực tiếp}}{\text{Số lao động bình quân}}$$

$$* \text{ Năng suất lao động Bình quân} = \frac{\text{Giá trị sản xuất}}{\text{Số lao động bình quân}}$$

$$* \text{ Tỷ trọng chi phí nhân công trực tiếp} = \frac{\text{Tổng chi phí nhân công trực tiếp}}{\text{Giá trị sản xuất}} * 100$$

3.2.4.3 Phân tích biến động chi phí sản xuất chung

a, Phân tích biến động biến phí sản xuất chung

a1, Đối với định mức biến phí sản xuất chung được lập cho yếu tố lượng và yếu tố giá:

a2, Đối với định mức biến phí sản xuất chung được lập bằng tỷ lệ % trên biến phí trực tiếp

b, Phân tích biến động định phí

KẾT LUẬN

Xu thế hội nhập nền kinh tế quốc tế tất yếu dẫn đến mức độ cạnh tranh trên thương trường càng gay gắt hơn. Do vậy để DN tồn tại và phát triển thì vấn đề đặt ra cho các nhà quản lý là phải nhanh nhạy với các biến động trên thị trường, phải quản lý được CPSX của DN; từ đó tăng cường kiểm soát CPSX nhằm mục đích hạ giá thành sản phẩm giúp các nhà quản lý có cơ sở đưa ra các quyết định kinh doanh chính xác, kịp thời... để đạt được lợi nhuận mong muốn, nâng cao hiệu quả hoạt động của DN. Kiểm soát CPSX là vấn đề quan trọng hàng đầu của quản lý chi phí. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn, luận văn đã giải quyết được các nội dung sau:

Hệ thống hóa những vấn đề lý luận cơ bản về kiểm soát CPSX trong DN nêu ra khái niệm CPSX và các cách phân loại CPSX; Xây dựng định mức chi phí, lập dự toán làm căn cứ cho công tác kiểm soát CPSX; So sánh và phân tích phần chênh lệch giữa CPSX thực tế và dự toán đã lập để chỉ rõ nguyên nhân, trách nhiệm của từng bộ phận trong sự biến động CPSX.

Luận văn phản ánh thực trạng công tác kiểm soát CPSX trong các DNSX gạch xây dựng thông qua khảo sát tại Công ty Cổ phần Đại Hưng bao gồm: đặc điểm về qui trình sản xuất, đặc điểm về tổ chức sản xuất, đặc điểm về môi trường kiểm soát, đặc điểm công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong DNSX gạch xây dựng nói chung và cụ thể tại Công ty Cổ phần Đại Hưng. Từ đó, nhận định về những

ưu điểm và hạn chế trong công tác kiểm soát CPSX trong DNSX gạch xây dựng.

Thông qua việc đánh giá công tác kiểm soát CPSX trong DNSX gạch xây dựng cụ thể qua trường hợp Công ty Cổ phần Đại Hưng, luận văn đã nêu ra những vấn đề tồn tại trong công tác kiểm soát CPSX: Chưa thực hiện công tác kế toán quản trị; Chưa thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ; Chưa thực sự gắn trách nhiệm quản lý với yêu cầu kiểm soát CPSX;... từ đó đưa ra các giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát CPSX tại Công ty Cổ Phần Đại Hưng.

Để hoàn thiện kiểm soát CPSX tại Công ty Cổ phần Đại Hưng luận văn đã trình bày các giải pháp: Hoàn thiện môi trường kiểm soát ; Kiểm soát chi phí NVLTT, Kiểm soát chi phí NCTT; Kiểm soát chi phí SX; Lập dự toán CPSX linh hoạt; Lập báo cáo tình hình thực hiện chi phí phục vụ kiểm soát CPSX. Phân tích tình hình thực hiện dự toán, tình hình thực hiện các định mức chi phí liên quan đến CPSX.

Luận văn đã phần nào đáp ứng được mục tiêu nghiên cứu; Đã hệ thống hóa các vấn đề lý luận về kiểm soát CPSX trong DNSX gạch xây dựng, nêu ra những tồn tại trong công tác kiểm soát CPSX trong DN gạch thông qua trường hợp cụ thể Công ty Cổ phần Đại Hưng. Từ đó luận văn đã đưa ra các giải pháp hoàn thiện công tác kiểm soát CPSX trong DNSX gạch xây dựng.